TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2018.
V/v tranh chấp: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Lê Ngọc Vân**.
+ Ông **Lê Văn Thịnh**.
Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy -** Thư ký Tòa án.
Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: ông **Trần Cư** – Kiểm sát viên.
Ngày 20/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2018, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Anh T, sinh năm: 1984, trú tại: Thôn An Đ, xã Tam Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.
- Bị đơn: Chị H, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn Đ, xã Tam Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.
Anh T có mặt, chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của **nguyên đơn** anh T tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay:
Anh T và chị H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Q vào năm 2011. Sau ngày cưới chị H tự ý đi khỏi nhà chồng, không sống chung với anh T mà không rõ lý do. Từ ngày rời khỏi nhà chồng đến nay chị H không đồng ý về chung sống với anh T. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H.
Về con chung không có.
Về tài sản chung: Không có.
Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.
Bị đơn chị H vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo biên bản xác minh ngày 08/01/2018 tại Công an xã Tam Q, chị Trần Thị H có hộ khẩu tại thôn Đ, xã Tam Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam và có mặt tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã tiến hành thủ tục niêm yết cho chị H quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cũng như quyết định hoãn phiên tòa, thông báo về thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa hợp lệ nhưng chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên vụ án vẫn được xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Q, huyện N vào tháng 12/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp.

Tuy nhiên ngay sau khi cưới chị H và anh T không cùng chung sống với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đến hòa giải mong hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng chị H không đến Tòa để hòa giải. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị H nếu kéo dài cũng không đạt được mục đích, không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của anh T cho ly hôn với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Con chung: Không có
- Về tài sản chung: Không có.
- Nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

(3)Án phí HN&GĐ sơ thẩm anh T phải nộp 300.000đ được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001667 ngày 14/11/2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của anh T kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng chị H không đến tham gia trong quá trình hòa giải, xét xử vụ án, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị H.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

5. Án phí HN&GĐ sơ thẩm anh T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001667 ngày 14/11/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :
-VKSND huyện Núi Thành;
- Các bên đương sự để thi hành;
- Thi hành án huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Đình Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**